TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2021/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 17 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 18tháng 01 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998
Trú tại: Xóm K, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh Ngô Quang C, sinh năm 1992
Trú tại: Xóm K, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212,213, 482của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Ngô Quang C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Ngô Quang C cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H, anh C thống nhất giao 02 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 23/7/2015 và Ngô Quang Đ, sinh ngày 02/10/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh C thống nhất thỏa thuận

anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 745.000đ/ tháng cho mỗi con chung, hai con bằng 1.490.000đ (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)/02 con/tháng, từ tháng 02/2021 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về quyền thăm nom con chung: Anh C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản: Chị H, anh C xác định không có tài sản chung, không đề nghị tòa án xem xét.

Về công sức đóng góp trong gia đình: Không yêu cầu tòa án xem xét.

Về nợ chung: Chị H, anh C xác định không có tài sản cho ai vay và không vay nợ ai.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0013726ngày 18/01/2021 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Lãng,huyện Đại Từ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN DUY KHÁNH